

Van ép VZQA-C-M22U-6-GG-V4V4E-4-EXA

Số bộ phận: 2931686

FESTO



Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Cấu trúc xây dựng	Van ép hoạt động bằng khí nén
Kiểu vận hành	khí nén
Nguyên lý bít	mềm
Vị trí lắp đặt	bất kì
Kiểu gắn	Lắp đặt đường dây
Cổng nối van	G1/4
Chiều rộng danh nghĩa DN	6
Chức năng van	2/2 mở đơn ổn định
Hướng dòng chảy	có thể đảo ngược
Áp suất trung bình	0 MPa...0.4 MPa 0 bar...4 bar 0 psi...58 psi
Áp suất vận hành	0.1 MPa...0.65 MPa 1 bar...6.5 bar 14.5 psi...94.25 psi
Áp suất danh nghĩa phần ứng PN	10
Áp suất chênh lệch	0.25 MPa 2.5 bar 36.25 psi
Áp suất nổ	1.6 MPa 16 bar 232 psi
Áp suất quá tải	0.78 MPa
áp suất quá tải	7.8 bar 113.1 psi
Kiểu cài đặt lại	Khả năng bật nảy
Kiểu điều khiển	kiểm soát bên ngoài
Kết nối không khí điều khiển phụ 12	M5
Môi chất kiểm soát	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:1]

Đặc tính	Giá trị
Môi chất	Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [-:~:1] Nước
Độ nhớt tối đa	4000 mm ² /s
Nhiệt độ trung bình	-5 °C...90 °C
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...60 °C
Nhiệt độ bảo quản	5 °C...20 °C
Lưu lượng Kv	0.7 m ³ /h
Thời gian chuyển mạch bật	125 ms
Thời gian chuyển mạch tắt	125 ms
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Tính phù hợp để sản xuất pin Li-ion	Các kim loại có hơn 1% đồng, kẽm hoặc niken không được phép sử dụng. Các trường hợp ngoại lệ là niken trong thép, bề mặt mạ niken hóa học, bảng mạch, dây dẫn, bộ kết nối điện và cuộn dây
Vật liệu vỏ	thép hợp kim cao không gỉ PPS
Số vật liệu vỏ	1.4404
Vật liệu nắp vỏ	thép không gỉ hợp kim cao
Vật liệu của phớt	FPM
Vật liệu phần tử chặn	EPDM
trọng lượng sản phẩm	163 g
Chống cháy nổ	Vùng 0 (ATEX) Vùng 1 (ATEX) Vùng 2 (ATEX) Vùng 20 (ATEX) Vùng 21 (ATEX) Vùng 22 (ATEX)
Phù hợp với thực phẩm	xem thông tin tài liệu bổ sung